TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 06-8-2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã C1, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 349/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Phan An B, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Số B đường V, Khu phố B, Phường A, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Số B đường V, Khu phố B, Phường A, thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn chị Lê Thị Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn anh Phan An B trình bày:

Trên cơ sở tự quen biết, anh với chị Lê Thị Kim T tiến đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/9/2001. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do chị T làm ăn không thông qua

anh, đến khi có người tìm anh thì anh mới biết sự việc. Vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng hai năm nay. Nhận thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: anh yêu cầu được ly hôn chị T.

Về con chung: có 03 con chung tên Phan Ngọc Vân A, sinh năm 1993; Phan Ngọc Vân K, sinh năm 2002 và Phan Hữu T1, sinh năm 2005. Do các con đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Kim T trình bày:

Chị với anh Phan An B trên cơ sở tự quen biết mà tiến đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 25/9/2001 như anh B trình bày là đúng. Vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng hai năm nay. Trong cuộc sống chung, từ năm 2001 đến nay anh B không có nói chuyện với chị và cũng không lo cho chị, để một mình chị lo liệu mọi việc. Chị thừa nhận khi làm kinh tế, chị không có nói với anh B do chị biết nếu chị có chia sẻ thì anh B cũng không có khả năng giúp đỡ chị. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh B, chị có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: chị không đồng ý ly hôn với anh Phan An B do cháu ngoại còn nhỏ.

Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì:

Về con chung: có 03 con chung tên Phan Ngọc Vân A, sinh năm 1993; Phan Ngọc Vân K, sinh năm 2002 và Phan Hữu T1, sinh năm 2005. Do các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã C1, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan An B. Cho anh Phan An B được ly hôn với chị Lê Thị Kim T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 22/5/2024, bị đơn chị Lê Thị Kim T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan An B.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Lê Thị Kim T nộp đơn kháng cáo và thực hiện thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Anh Phan An B và chị Lê Thị Kim T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Anh B cho rằng từ năm 2021, anh và chị T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T làm ăn không thông qua anh, vợ chồng đã ly thân khoảng hai năm. Chị T cho rằng quá trình chung sống, anh B không nói chuyện với chị, không lo cho chị, để chị tự lo liệu mọi việc; chị cũng thừa nhận chị làm kinh tế nhưng không trao đổi với anh B vì chị biết anh B không có khả năng giúp đỡ chị; chị và anh B đã sống ly thân khoảng hai năm.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa anh B với chị T là có thật. Quá trình chung sống, anh B với chị T không hoàn thành nghĩa vụ vợ chồng khi thiếu đi sự bàn bạc, sẻ chia giữa vợ và chồng trong công việc gia đình. Mục đích cơ bản của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ và bền vững; thế nhưng trong suốt hai năm gần đây, anh chị sống ly thân với nhau, thời gian sống xa nhau kéo dài khiến cho việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng gặp nhiều khó khăn, việc xây dựng gia đình không đạt được, càng không tạo được sự bền vững trong quan hệ vợ chồng. Chị T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, anh B vẫn cương quyết xin ly hôn chứng tỏ anh B đã không còn tình cảm với chị T. Tình cảm vợ chồng chỉ xuất phát từ một phía, vợ chồng ly thân trong thời gian dài, việc kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả anh B và chị T.

Từ phân tích trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B với chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B, cho anh B ly hôn với chị T là phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh B và chị T có 03 con chung tên Phan Ngọc Vân A, sinh năm 1993; Phan Ngọc Vân K, sinh năm 2002 và Phan Hữu T1, sinh năm 2005. Các con chung đã thành niên nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét là có căn cứ.

Về tài sản chung, nợ chung: anh B và chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét trong vụ án này là có căn cứ.

Chị T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên yêu cầu kháng cáo của chị T không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: do yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Kim T không được chấp nhận nên chị phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Kim T.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2024/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã C1, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan An B.

Về hôn nhân: anh Phan An B được ly hôn với chị Lê Thị Kim T.

2. Về án phí:

Anh Phan An B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004765 ngày 25/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C1, tỉnh Tiền Giang; xem như anh đã nộp xong.

Chị Lê Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004896 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C1, tỉnh Tiền Giang; xem như chị đã nộp xong.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C1;
- CCTHADS thị xã C1;
- UBND Phường M, thị xã C1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong